

Phụ lục số 01

1. Danh sách đội ngũ giảng viên giảng dạy

1.1. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian ngành Giáo dục Mầm non

STT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghịệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
1	Ngô Giang Nam 24.6.1978	019078014672 Việt Nam		Tiến sĩ Việt nam 2013	Lý luận và lịch sử giáo dục	2000		8102002935	26	1	20		
2	Nguyễn Thị Phương Thúy 30.07.1973	011173000232 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Khoa học giáo dục	9/1994		1297011440	32		8		
3	Phạm Xuân Cường 12.06.1982	011082000343 Việt Nam		Tiến sĩ Việt Nam 2017	Hoá lý thuyết và Hóa lý	10/2004		6206000564	22	2	15		
4	Nguyễn Tất Thắng 05.10.1966	019066010704 Việt Nam		Tiến sĩ Việt Nam- Philipin 2014	Quản lý giáo dục	1989		8100010741	37		14		
5	Lê Tiến Dũng 01.6.1970	01107000021 Việt Nam		Tiến sĩ Việt Nam 2018	Quản lý giáo dục	11/1993		1296000210	33		12		

STT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
6	Lê Tùng 20.12.1975	011075000194 Việt Nam		Tiến sĩ ; Việt Nam; 2013	Khoa học Giáo dục;	9/1996		1297011436	30	3	8		
7	Nguyễn Thị Thủy 25.3.1989	036189020241 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2018	Hệ thống thông tin	10/2012		1112002767	14		8		
8	Đặng Hải Yên 7.11.1990	034190012885 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2020	LL&PP dạy học Tin học	10/2012		1112002765	14		4		
9	Nguyễn Tuyết Nhung 25.08.1986	011186000522 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2021	Ngôn ngữ Anh	2/2011		1111000386	15		13		
10	Trần Thị Ngọc Mai 12.11.1989	011189000463 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2017	LL&PP dạy học tiếng Anh	10/2012		1112002763	14		22		
11	Nguyễn Sơn Hà 01.06.1974	011074000201 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2015	Giáo dục Thể chất	9/1994		1297011513	32		28		
12	Dương Thị Phương Lan 31.08.1979	011179000277 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2011	Lịch sử Đảng và TTHCM	10/2001		1202000451	25		15		

STT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
13	Ngô Thị Yến 20.11.1979	035179004088 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2011	Triết học	9/2004		6206000561	22		27		
14	Trần Thanh Bắc 02.04.1988	038088022366 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2018	Việt Nam học	2/2011		1111000385	15		17		
15	Đào Thị Bách 16.8.1987	033187012997 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2020	Giáo dục và phát triển cộng đồng	11/2013		1113002379	13		23		
16	Đàm Thị Mai Thương 09.3.1984	025184008164 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2018	Tâm lý học	10/2011		1211000478	15		20		
17	Phạm Hồng Thái 21.09.1976	011076000203 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2004	LL&PPD H Sinh học	9/2000		1202000437	26		20		
18	Tạ Thị Huyền 24.11.1981	011181000257 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2012	Giáo dục Mầm non	9/2004		6206000565	22		23		
19	Phan Vũ Quỳnh Nga 16.04.1982	011182006063 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2010	Giáo dục Mầm non	9/2004		6206000606	22		12		

STT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
20	Vũ Thị Thanh Tâm 25.12.1979	012179000178 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2008; 2021	Vi sinh học; Giáo dục Mầm non	9/2001		1202000431	25		34		
21	Phạm Thị Thu Phương 09.09.1984	011184000258 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2013; 2021	Toán học; Giáo dục Mầm non	9/2006		6206002579	20		17		
22	Nguyễn Thị Hong Thúy 20.06.1983	011183000305 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2009; 2023	Hình học Tô pô; Giáo dục mầm non	9/2004		6206000607	22		16		
23	Nguyễn Thị Tường Vy 13.5.1982	034182013061 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam; 2014	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	9/2005		6206000555	21		16		
24	Cầm Thị Phượng 24.10.1978	011178000824 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2004	Văn học phương tây	10/2000		1202000415	26		5		
25	Cao Thanh Nga 12.09.1976	011176001303 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2004	Lý luận Ngôn ngữ	8/1997		1202000453	29		8		

STT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
26	Lê Thị Thuý Hằng 23.4.1983	014183007442 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2018	LL&PP Dạy học bộ môn Mỹ thuật	12/2007		6207002159	19		15		
27	Phùng Thanh Tám 8.5.1985	015185000983 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2016	LL&PP Dạy học âm nhạc	9/2005		6206003225	21		11		
28	Nguyễn Tuấn Nam 24.01.1980	011080000251 ; Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2016	LL&PP Dạy học âm nhạc	10/2000		1201000781	26		8		
29	Nguyễn trung Kiên 05.11.1980	011080004477 Việt Nam		Đại học Việt Nam	Thẻ dực thể thao	11/2008			18		7		
30	Phạm văn Mạnh 30.10.1979	034079011120 Việt Nam		Đại học Việt Nam	Biên phòng	07/2009			17		5		

(Danh sách có 30 người)./.

1.2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian ngành Giáo dục Tiểu học

Số TT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
1	Lê Tùng 20.12.1975	011075000194; Việt Nam	GVC 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	LL&PP DH Sinh học;	9/1996		1297011436	30		11		
2	Nguyễn Thị Thu Thủy 19.6.1974	011174000338 Việt Nam	GVC 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Văn học Việt Nam	10/1995		1297011840	31		13		
3	Nguyễn Thị Hồng Miên 10.03.1973	011173000208; Việt Nam	GVC 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	LL&PP DH Lịch Sử; Lịch Sử Đảng CSVN	9/1996		1297011448	30		74		
4	Nguyễn Đình Yên 19.7.1980	02508001510 Việt Nam	GVC 2023	Tiến sĩ Việt Nam	Quản lý giáo dục	10/2002		8103002913	24	3	13		
5	Hoàng Thanh Nghị 18.10.1981	011081000443; Việt Nam	GVC 2025	Tiến sĩ Việt Nam	Toán kinh tế	10/2003		1204000176	23		7		
6	Trần Bá Uẩn 15.9.1978	011078000475; Việt Nam	GVC 2025	Tiến sĩ Việt Nam	Kinh tế	01/2001		1201000218	25		16		

Số TT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
7	Lê Thị Thơi 28.03.1978	034178010553; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2010	Triết học	9/2000		1202000435	26		44		
8	Nguyễn Thị Ly Lan 17.8.1982	011182000382; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2010	Giáo dục Thể chất	9/2005		6206000549	21		16		
9	Bùi Thị Thanh Huyền 13.04.1974	011174000251; Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam 2022	Giáo dục học Thể chất	10/1995		1297011498	31		8		
10	Trần Thị Ngọc Mai 12.11.1989	011189000463; Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam 2017	LL&PP dạy học tiếng Anh	10/2012		1112002763	14		22		
11	Phan Đình Lập 01.01.1979	011079000247; Việt Nam	GVC 2020	Thạc sĩ Việt Nam 2016	Công nghệ thông tin	3/2003		6206000562	23		31		
12	Nguyễn Thị Viên 02.03.1980	025180001853; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2011	Tâm lý học	9/2005		6206000558	21		16		
13	Đoàn Vĩnh Ngọc 26.11.1978	011078000235; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2005	Toán Giải tích	10/2000		1202000445	26		19		

Số TT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
14	Đinh Thanh Hương 12.08.1979	011179005212; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2008	Lý luận Văn học	10/2000		1202000430	26		28		
15	Vũ Hữu Cương 08.11.1974	014074000893; Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam 2017	Mỹ thuật tạo hình – hội họa	10/1999		1202000417	27		20		
16	Ngô Thị Kim Anh 23.07.1976	011176000316; Việt Nam	GVC 2011	Thạc sĩ Việt Nam 2005	SP Địa lý; Địa lý Kinh tế- XH	8/1997		1202000442	29		19		
17	Mai Đình Nam 12.04.1976	038076014145; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2008	Giáo dục học	12/1998		1202000447	28		6		
18	Nguyễn Quỳnh Dương 09.04.1981	011181005489; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2011; 2023	Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Mầm non	10/2003		6206000563	23		11		
19	Trương Quốc Huân 08.08.1979	011079000155; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2008	Giải tích	10/2001		1202000425	25		6		
20	Nguyễn Thị Thủy Liên 05.11.1975	011175000251; Việt Nam	GVC 2011	Thạc sĩ Việt Nam 2002	Lý luận văn học	9/1996		1297011463	30		14		

Số TT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệ nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
21	Nguyễn Thị Nguyệt Nga 17.01.1979	011179005161; Việt Nam	GVC; 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2006	Văn học Việt Nam trung đại	10/2000		1202000454	26		28		
22	Đặng Thái Sơn 06.12.1985	011085000383; Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam 2014	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	9/2008		1108002349	18		22		
23	Đỗ Thị Thanh Tuyền 08.10.1984	035184006415; Việt Nam	GVC 2020	Thạc sĩ Việt Nam 2016	Giáo dục học	10/2008		1108002353	18		33		
24	Phạm Ngọc Cảnh 15.10.1980	034080011625; Việt Nam	GVC 2020	Thạc sĩ Việt Nam 2011	Quản lý giáo dục	10/2002		1203000308	24		33		
25	Nguyễn Thị Nghĩa 20.12.1977	011177000299; Việt Nam	GVC 2018	Thạc sĩ Việt Nam 2006	Văn học Châu Á	10/2000		1202000455	26		22		
26	Đinh Toàn 29.11.1988	011088005163; Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam 2021	LL và PP dạy học bộ môn Tin học	10/2012		1112002766	14		7		

Số TT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
27	Lò Vũ Điệp 02.01.1984	014184001796; Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam 2010	Tâm Lý Học	6/2010		1110001509	16		24		
28	Nguyễn Thị Minh Châu 22.09.1969	011169003775; Việt Nam	GVC 2011	Thạc sĩ Việt Nam 2004	Văn học Việt Nam hiện đại	9/1992		1297011475	34		9		
29	Nguyễn thị Hương Giang 18.8.1982	035182005362; Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam 2016	Triết học	9/2008		1108002351	18		27		
30	Nguyễn Tuyết Nhưng 25.08.1986	01118600522 Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam 2021	Ngôn ngữ Anh	2/2011		1111000386	15		13		
31	Lê Thị Thêm 04.02.1985	037185007600 Việt nam	GVC	Thạc sĩ Việt Nam 2018	Công tác xã hội Ngôn ngữ Anh	10/2009		1109002120	17		20		

Số TT	Họ và tên Ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệ	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố, cấp		Ký tên	Đúng/ không đúng hồ sơ
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
32	Quảng Thị Hạnh 15.10.1992	011190007177 Việt Nam	GV	Thạc sĩ Việt Nam	Công tác xã hội	02/2015			10		10		
33	Mùa A Hử 21.01.1989	011089004779 Việt Nam	GV	Thạc sĩ Thái Lan	Quản lý giáo dục	12/2012			13		10		

(Danh sách có 33 người)./.

1.3. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian ngành Giáo dục mầm non (Cao đẳng)

TT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Căn cước	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành chủ trì giảng dạy	
											Mã ngành	Tên ngành
1	ĐOÀN THỊ HẰNG NGÀ	16/12/1983	011183001480	Việt Nam	Nữ	15/09/2007	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2007	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
2	HÀ THỊ QUỲNH	15/10/1984	011184000455	Việt Nam	Nữ	15/10/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2012	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
3	HÀ THỊ THOAN	20/09/1977	011177000298	Việt Nam	Nữ	01/10/1999	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/1999	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
4	HOÀNG THỊ THẢO	14/04/1982	011182000380	Việt Nam	Nữ	15/09/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2006	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
5	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	20/12/1987	012187000245	Việt Nam	Nữ	01/04/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2015	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Căn cước	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành chủ trì giảng dạy	
											Mã ngành	Tên ngành
6	NGUYỄN QUỲNH DƯƠNG	09/04/1981	011181005489	Việt Nam	Nữ	15/10/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2003	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
7	NGUYỄN THI HỒNG NHUNG	30/05/1989	025189004613	Việt Nam	Nữ	15/10/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2012	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
8	NGUYỄN THI HỒNG THÚY	20/06/1983	011183000305	Việt Nam	Nữ	01/10/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2005	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
9	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	09/09/1984	011184000257	Việt Nam	Nữ	15/09/2007	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2007	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
10	PHAN VŨ QUỲNH NGÀ	16/04/1982	011182006063	Việt Nam	Nữ	08/09/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn	08/09/2004	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
11	TẠ THỊ HUYỀN	24/11/1981	011181000257	Việt Nam	Nữ	08/09/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn	08/09/2004	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
12	TỔNG THỊ HẠNH	21/10/1984	011184000465	Việt Nam	Nữ	15/09/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2009	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
13	VŨ THỊ THANH TÂM	25/12/1979	012179000178	Việt Nam	Nữ	01/10/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2001	Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non
14	BÙI THỊ HẬU	17/05/1983	033183012881	Việt Nam	Nữ	15/09/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2006	Thạc sĩ	Vật lý học	51140201	Giáo dục Mầm non
15	BÙI THỊ MINH THU	18/12/1973	011173000233	Việt Nam	Nữ	01/09/1994	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/1994	Thạc sĩ	Địa lý học	51140201	Giáo dục Mầm non
16	BÙI THỊ THANH HUYỀN	13/04/1974	011174000251	Việt Nam	Nữ	15/09/1995	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/1995	Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	51140201	Giáo dục Mầm non
17	CAO THANH NGÀ	12/09/1976	011176001303	Việt Nam	Nữ	01/08/1997	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/1997	Thạc sĩ	Lý luận văn học	51140201	Giáo dục Mầm non
18	CẨM THỊ PHƯỢNG	24/10/1978	011178000824	Việt Nam	Nữ	01/10/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2000	Thạc sĩ	Văn học nước ngoài	51140201	Giáo dục Mầm non
19	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG LAN	31/08/1979	011179000277	Việt Nam	Nữ	17/10/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn	17/10/2001	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	51140201	Giáo dục Mầm non
20	ĐÀM THỊ MAI THƯƠNG	09/03/1984	025184008164	Việt Nam	Nữ	01/10/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2011	Thạc sĩ	Tâm lý học	51140201	Giáo dục Mầm non
21	ĐÀO THỊ BÁCH	16/08/1987	033187012997	Việt Nam	Nữ	12/11/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn	12/11/2013	Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Căn cước	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành chủ trì giảng dạy	
											Mã ngành	Tên ngành
22	ĐẶNG HẢI YẾN	07/11/1990	034190012885	Việt Nam	Nữ	15/10/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2012	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tin học	51140201	Giáo dục Mầm non
23	ĐẶNG THÁI SƠN	06/12/1985	011085000383	Việt Nam	Nam	15/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2008	Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non
24	ĐẶNG THỊ MAI	04/04/1976	011176000317	Việt Nam	Nữ	01/10/1999	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/1999	Thạc sĩ	Đại số và lí thuyết số	51140201	Giáo dục Mầm non
25	ĐINH TOÀN	29/11/1988	011088005163	Việt Nam	Nam	15/10/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2013	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tin học	51140201	Giáo dục Mầm non
26	ĐINH THANH HƯƠNG	12/08/1979	011179005212	Việt Nam	Nữ	01/10/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2000	Thạc sĩ	Lý luận văn học	51140201	Giáo dục Mầm non
27	ĐOÀN VĨNH NGỌC	26/11/1978	011078000235	Việt Nam	Nam	01/10/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2000	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	51140201	Giáo dục Mầm non
28	ĐỖ THỊ THANH TUYỀN	08/10/1984	035184006415	Việt Nam	Nữ	12/10/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	12/10/2009	Thạc sĩ	Tâm lý học	51140201	Giáo dục Mầm non
29	ĐỖ THỊ THU TRANG	07/01/1983	011183029501	Việt Nam	Nữ	01/09/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2005	Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính	51140201	Giáo dục Mầm non
30	GIÁP THỊ PHƯƠNG THẢO	20/10/1984	024184002455	Việt Nam	Nữ	01/08/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/2009	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	51140201	Giáo dục Mầm non
31	HÀ MINH QUANG	09/11/1978	011078000712	Việt Nam	Nam	01/09/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2005	Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	51140201	Giáo dục Mầm non
32	HÀ THỊ BÌNH	25/03/1974	011174000246	Việt Nam	Nữ	31/08/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	31/08/1996	Thạc sĩ	Giáo dục và Phát triển cộng đồng	51140201	Giáo dục Mầm non
33	HÀ THỊ HƯƠNG	15/02/1970	038170000251	Việt Nam	Nữ	01/10/1993	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/1993	Thạc sĩ	Đại số và lí thuyết số	51140201	Giáo dục Mầm non
34	LÊ TÙNG	20/12/1975	011075000194	Việt Nam	Nam	31/08/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	31/08/1996	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học sinh học	51140201	Giáo dục Mầm non
35	LÊ THỊ HẢI	13/09/1984	038184022904	Việt Nam	Nữ	15/09/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2009	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	51140201	Giáo dục Mầm non
36	LÊ THI THƠI	28/03/1978	034178010553	Việt Nam	Nữ	15/09/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2000	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	51140201	Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Căn cước	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành chủ trì giảng dạy	
											Mã ngành	Tên ngành
37	LÊ THỊ THÚY HẰNG	23/04/1983	014183007442	Việt Nam	Nữ	01/12/2007	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/2007	Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	51140201	Giáo dục Mầm non
38	LÊ TRỌNG HIẾU	06/03/1974	011074000187	Việt Nam	Nam	01/10/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2001	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non
39	LÒ THỊ HIỀN	06/06/1976	011176022622	Việt Nam	Nữ	11/10/1999	HĐLĐ không xác định thời hạn	11/10/1999	Đại học	Mỹ thuật tạo hình	51140201	Giáo dục Mầm non
40	LÒ VŨ ĐIỆP	02/01/1984	014184001796	Việt Nam	Nữ	15/06/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/06/2010	Thạc sĩ	Tâm lý học	51140201	Giáo dục Mầm non
41	MAI ĐÌNH NAM	12/04/1976	038076014145	Việt Nam	Nam	02/12/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn	02/12/1998	Thạc sĩ	Giáo dục học	51140201	Giáo dục Mầm non
42	MAI THANH HƯNG	11/11/1983	038083044206	Việt Nam	Nam	15/10/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2012	Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	51140201	Giáo dục Mầm non
43	MÙA A HỮ	21/01/1989	011089004779	Việt Nam	Nam	01/01/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/01/2013	Đại học	Quản lý giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non
44	NGÔ THỊ KIM ANH	23/07/1976	011176000316	Việt Nam	Nữ	01/08/1997	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/1997	Thạc sĩ	Địa lý học	51140201	Giáo dục Mầm non
45	NGÔ THỊ YẾN	20/11/1979	035179004088	Việt Nam	Nữ	23/09/2004	HĐLĐ không xác định thời hạn	23/09/2004	Thạc sĩ	Triết học	51140201	Giáo dục Mầm non
46	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	14/04/1984	025084011277	Việt Nam	Nam	05/04/2006	HĐLĐ không xác định thời hạn	05/04/2006	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc	51140201	Giáo dục Mầm non
47	NGUYỄN SƠN HÀ	01/06/1974	011074000201	Việt Nam	Nam	01/09/1994	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/1994	Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	51140201	Giáo dục Mầm non
48	NGUYỄN TUẤN NAM	24/01/1980	011080000251	Việt Nam	Nam	03/08/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn	03/08/2001	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc	51140201	Giáo dục Mầm non
49	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	25/08/1986	011186000522	Việt Nam	Nữ	10/02/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	10/02/2011	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh	51140201	Giáo dục Mầm non
50	NGUYỄN THỊ HIỀN	28/10/1973	011173000222	Việt Nam	Nữ	01/09/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/1996	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non
51	NGUYỄN THỊ HIỀN	22/08/1979	034179010461	Việt Nam	Nữ	05/09/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn	05/09/2002	Thạc sĩ	Địa lý học	51140201	Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Căn cước	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành chủ trì giảng dạy	
											Mã ngành	Tên ngành
52	NGUYỄN THỊ HỒNG MIÊN	10/03/1973	011173000208	Việt Nam	Nữ	30/08/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	30/08/1996	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	51140201	Giáo dục Mầm non
53	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	18/08/1982	035182005362	Việt Nam	Nữ	15/09/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2009	Thạc sĩ	Triết học	51140201	Giáo dục Mầm non
54	NGUYỄN THỊ LY LAN	17/08/1982	011182000382	Việt Nam	Nữ	22/08/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	22/08/2005	Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	51140201	Giáo dục Mầm non
55	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	22/09/1969	011169003775	Việt Nam	Nữ	01/10/1992	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/1992	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	51140201	Giáo dục Mầm non
56	NGUYỄN THỊ NGHĨA	20/12/1977	011177000299	Việt Nam	Nữ	01/10/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2000	Thạc sĩ	Văn học nước ngoài	51140201	Giáo dục Mầm non
57	NGUYỄN THỊ NGUYỆT NGÀ	17/01/1979	011179005161	Việt Nam	Nữ	01/10/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2000	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	51140201	Giáo dục Mầm non
58	NGUYỄN THỊ NHƯ NA	20/06/1984	011184000628	Việt Nam	Nữ	15/05/2010	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/05/2010	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	51140201	Giáo dục Mầm non
59	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	30/07/1973	011173000232	Việt Nam	Nữ	01/09/1994	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/1994	Tiến sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Hóa học	51140201	Giáo dục Mầm non
60	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	01/06/1990	042190020496	Việt Nam	Nữ	15/10/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2012	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Tin học	51140201	Giáo dục Mầm non
61	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	19/04/1970	011170000161	Việt Nam	Nữ	01/11/1992	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/11/1992	Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	51140201	Giáo dục Mầm non
62	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	13/05/1982	034182013061	Việt Nam	Nữ	01/09/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2005	Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non
63	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	30/05/1974	034174010009	Việt Nam	Nữ	31/08/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	31/08/1996	Thạc sĩ	Địa lý học	51140201	Giáo dục Mầm non
64	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	04/06/1982	011182002932	Việt Nam	Nữ	01/09/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/2005	Thạc sĩ	Tâm lý học	51140201	Giáo dục Mầm non
65	NGUYỄN THỊ THỦY	25/03/1989	036189020241	Việt Nam	Nữ	15/10/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2012	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	51140201	Giáo dục Mầm non
66	NGUYỄN THỊ THUY LIÊN	05/11/1975	011175000251	Việt Nam	Nữ	31/08/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	31/08/1996	Thạc sĩ	Lý luận văn học	51140201	Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Căn cước	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành chủ trì giảng dạy	
											Mã ngành	Tên ngành
67	NGUYỄN THI VIÊN	02/03/1980	025180201853	Việt Nam	Nữ	22/08/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	22/08/2005	Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non
68	NGUYỄN TRUNG KIÊN	05/11/1980	011080004477	Việt Nam	Nam	15/11/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/11/2008	Đại học	Giáo dục Thể chất	51140201	Giáo dục Mầm non
69	PHẠM HỒNG THÁI	21/09/1976	011076000203	Việt Nam	Nam	01/10/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2000	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học sinh học	51140201	Giáo dục Mầm non
70	PHẠM LAN ANH	03/06/1978	012178000137	Việt Nam	Nữ	01/10/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2000	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	51140201	Giáo dục Mầm non
71	PHẠM NGỌC CẢNH	15/10/1980	034080011625	Việt Nam	Nam	01/10/2002	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2002	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non
72	PHẠM VIỆT ĐỨC	25/02/1976	034076011642	Việt Nam	Nam	15/11/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/11/1998	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non
73	PHẠM XUÂN CƯỜNG	12/06/1982	011082000343	Việt Nam	Nam	15/10/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/10/2005	Tiến sĩ	Hoá học	51140201	Giáo dục Mầm non
74	PHAN ĐÌNH LẬP	01/01/1979	011079000247	Việt Nam	Nam	01/03/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/03/2003	Thạc sĩ	Khoa học máy tính và thông tin	51140201	Giáo dục Mầm non
75	PHAN THỊ LUNG	04/01/1982	025182012312	Việt Nam	Nữ	12/10/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	12/10/2009	Thạc sĩ	Giáo dục học	51140201	Giáo dục Mầm non
76	PHAN THỊ LÝ	25/12/1988	030188012088	Việt Nam	Nữ	05/10/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	05/10/2011	Thạc sĩ	Giáo dục và Phát triển cộng đồng	51140201	Giáo dục Mầm non
77	PHAN THỊ THU HƯƠNG	25/01/1973	012173000164	Việt Nam	Nữ	01/09/1994	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/09/1994	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	51140201	Giáo dục Mầm non
78	PHAN THỊ THỦY	20/11/1972	011172000287	Việt Nam	Nữ	01/08/1993	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/08/1993	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Văn	51140201	Giáo dục Mầm non
79	PHÙNG THANH TÁM	08/05/1985	015185000983	Việt Nam	Nữ	30/07/2012	HĐLĐ không xác định thời hạn	30/07/2012	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc	51140201	Giáo dục Mầm non
80	TRẦN THỊ NGỌC MAI	12/11/1989	011189000463	Việt Nam	Nữ	05/11/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn	05/11/2013	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	51140201	Giáo dục Mầm non
81	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	27/11/1985	011185005616	Việt Nam	Nữ	15/09/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn	15/09/2008	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	51140201	Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Căn cước	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành chủ trì giảng dạy	
											Mã ngành	Tên ngành
82	TRẦN THỊ TUYẾT	12/07/1978	011178000292	Việt Nam	Nữ	01/10/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2000	Thạc sĩ	Lịch sử	51140201	Giáo dục Mầm non
83	TRƯƠNG QUỐC HUÂN	08/08/1979	011079000155	Việt Nam	Nam	01/10/2001	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2001	Thạc sĩ	Phương trình vi phân và tích phân	51140201	Giáo dục Mầm non
84	VŨ HỮU CƯỜNG	08/11/1974	014074000893	Việt Nam	Nam	01/10/1999	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/1999	Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	51140201	Giáo dục Mầm non
85	TRẦN THANH BẮC	02/04/1988	038088022366	Việt Nam	Nam	25/01/2011	HĐLĐ không xác định thời hạn	25/01/2011	Thạc sĩ	Việt Nam học	51140201	Giáo dục Mầm non
86	QUÀNG THỊ HẠNH	15/10/1992	011192007177	Việt Nam	Nữ	27/02/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn	27/02/2015	Thạc sĩ	Công tác xã hội	51140201	Giáo dục Mầm non
87	TRỊNH ĐỨC HẠNH	28/03/1982	037082012977	Việt Nam	Nam	22/06/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	22/06/2009	Thạc sĩ	Văn hoá dân gian	51140201	Giáo dục Mầm non
88	LÊ THỊ THÊM	04/02/1985	037185007600	Việt Nam	Nữ	01/10/2009	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/10/2009	Thạc sĩ	Công tác xã hội	51140201	Giáo dục Mầm non
89	HOÀNG VĂN ĐỊNH	12/10/1990	033090016550	Việt Nam	Nam	05/11/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn	05/11/2013	Thạc sĩ	Việt Nam học	51140201	Giáo dục Mầm non

Phụ lục số 02**CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU****1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá**

- Tổng diện tích đất của Phân hiệu (m^2): 53.402 m^2

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 67.26 m^2

Số TT	Phòng học, giảng đường, ký túc xá, sân vận động, nhà thể thao đa năng, thư viện	Số lượng	Diện tích (m^2)	Thiết bị chính		Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	
I	Trụ sở chính					
1	Phòng học lý thuyết	22	2.457	Máy tính, máy chiếu		
2	Phòng học thực hành, thí nghiệm	26	2.928	Máy tính, máy chiếu		
3	Phòng nội trú sinh viên	144	6.179			
4	Phòng làm việc	21	1.344	Máy tính, máy in, máy phô tô		
5	Hội trường	02	1.710	Màn hình Led, máy tính, hệ thống âm thanh		
6	Nhà thi đấu đa năng	01	1.133			
7	Nhà ăn, nhà bếp	01	960			
8	Thư viện	9	917	Máy quét mã vạch, máy tính		
II	Cơ sở 1					
1	Phòng học	30				
2	Nhà thực tập tiền lâm sàng	01				
3	Nhà ăn học sinh, sinh viên ký túc xá	02				
4	Phòng sinh hoạt chung ký túc xá	02				
5	Phòng ở cho HSSV	48				
6	Hội trường	02				
7	Nhà thi đấu thi đa năng	01				
8	Thư viện	03				

2. Các thông tin khác

2.1 Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ <i>Ngành/Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo</i>	
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	5127		57	Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1710	Màn hình Led, máy tính, hệ thống âm thanh	2	Seminar, hội thảo	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	400	Máy tính, máy chiếu	1	Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	480	Máy tính, máy chiếu	6	Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	1680	Máy tính, máy chiếu	21	Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	80	Máy tính, máy chiếu, camera	1	Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	777		27		

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ <i>Ngành/Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo</i>	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1189	Máy quét mã vạch, máy tính	2	Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2783		8	Giáo dục Mầm non Giáo dục Tiểu học Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	

2.2. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành 1	
	- Số lượng đầu sách (giáo trình và tài liệu tham khảo)	6.901
	- Số lượng quyển sách (giáo trình và tài liệu tham khảo)	45.678
	- Máy tính được kết nối mạng Internet	100